

ĐÀO TẠO CÁC CHỨC DANH TƯ PHÁP PHỤC VỤ HỆ THỐNG TƯ PHÁP TRONG NHỮNG NĂM QUA

*Phan Hữu Thư**

1. Sự ra đời của trường Đại học Luật Hà Nội - khởi nguồn của chiến lược cải cách tư pháp

Ở nước ta, khái niệm đào tạo các chức danh tư pháp là một khái niệm mới, mô hình đào tạo còn đang trong quá trình hình thành và có nhiều biến động. Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến công tác này và coi nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công cuộc cải cách tư pháp.

Có ý kiến cho rằng tư tưởng cải cách tư pháp và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ hệ thống tư pháp chỉ bắt đầu từ những năm gần đây, đặc biệt là từ khi ban hành Nghị quyết 08 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết 49-NQ-TW về Chiến lược cải cách tư pháp. Nhưng thực tế tư tưởng này đã manh nha hình thành ngay từ khi Đảng và Nhà nước chủ trương thành lập một cơ sở đào tạo cử nhân luật chính quy với quy mô của một trường đại học. Như vậy, sự ra đời của trường Đại học Pháp lý (nay là trường Đại học Luật Hà Nội) là khởi nguồn của chiến lược cải cách tư pháp. Ngay sau khi giải phóng miền Nam, tháng 9 năm 1976, theo đề nghị của Phòng khoa học và Giáo dục, Bộ trưởng Bộ Đại học và Dạy nghề ra quyết định thành lập khoa Luật trực thuộc Đại học Tổng hợp Hà Nội. Trước năm 1979 ở nước ta chỉ có Khoa Luật trường Đại học Tổng hợp Hà Nội có chiêu sinh đại học luật. Năng lực đào tạo của cơ sở này còn hết sức hạn chế, giáo trình tài liệu hầu như không có, chương trình đào tạo chắp vá, việc quản lý còn phân tán và manh mún. Hơn nữa, việc bổ nhiệm cán bộ cũng không dựa trên tiêu chuẩn chức danh. Cán bộ tư pháp, thẩm phán lúc

bấy giờ chủ yếu được lựa chọn từ những người có lý lịch tốt và đã có thời gian công tác trong các cơ quan Đảng, chính quyền. Để chuẩn hóa việc đào tạo cán bộ ngành tư pháp và thu gọn đầu mối đào tạo, ngày 10 tháng 11 năm 1979, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 405/QĐ-CP thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội trên cơ sở hợp nhất trường Cao đẳng pháp lý Việt Nam với Khoa Luật trường Đại học Tổng hợp Hà Nội và đặt trường dưới sự quản lý của Ủy ban Pháp chế của Chính phủ (nay là Bộ Tư pháp). Như vậy, lần đầu tiên việc đào tạo cán bộ tư pháp được tập trung vào một cơ sở đào tạo công lập có quy mô của một trường đại học. Tháng 10 năm 1982, Trường Cao đẳng Tòa án tiếp tục được sáp nhập vào Trường Đại học Pháp lý Hà Nội. Ngày 4 tháng 6 năm 1993 Trường Đại học Pháp lý đổi tên thành Trường Đại học Luật Hà Nội, với chức năng nhiệm vụ là đào tạo cán bộ pháp lý các bậc đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học pháp lý và thực hiện những nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giao.

Ngay sau khi thành lập, ngày 7 tháng 3 năm 1980, Trường Đại học Pháp lý đã tổ chức khai giảng khóa học mới hệ đại học luật chính quy. Tới nay, qua 25 năm phát triển, Đại học Luật Hà Nội đã đào tạo cho đất nước hàng chục ngàn cử nhân, hàng trăm thạc sĩ và hàng chục tiến sĩ, chưa kể tới các khóa đào tạo trung cấp, cao đẳng và luân huấn, bồi dưỡng. Tuy vậy, sau hơn mười năm thành lập mặc dù đã đạt được những thành tựu đáng kể trong công tác đào tạo, nhưng kết quả đào tạo của Đại học Luật Hà Nội chưa thực sự góp phần làm thay đổi chất lượng đội ngũ cán bộ phục vụ trong ngành tư pháp. Thực trạng đội ngũ cán bộ và chức danh tư pháp lúc này thực sự yếu về chất lượng và thiếu về số lượng. Những cán bộ chuyển ngành mặc dù đã được

* TS Luật học. Giám đốc Học viện Tư pháp

qua các khoá đào tạo chuyên tu, tại chức hoặc qua các khoá bồi dưỡng nhưng vẫn thiếu kiến thức bài bản về chuyên môn luật và các kỹ năng nghiệp vụ. Đội ngũ này chủ yếu làm việc dựa vào kinh nghiệm cá nhân. Những cử nhân mới tốt nghiệp thì chỉ có kiến thức cơ bản mà không được trang bị kỹ năng. Họ học tập kỹ năng hành nghề chủ yếu thông qua việc tiếp thu kinh nghiệm của người đi trước, và trong đó có cả những kinh nghiệm sai. Trong lúc đó, xu hướng đào tạo nghề theo hướng chuyên sâu và chú trọng đào tạo kỹ năng của những nước phát triển bắt đầu du nhập vào Việt Nam. Một số giảng viên của Đại học Luật đã được cử đi học các khoá đào tạo nghề thẩm phán tại Cộng hoà Pháp. Năm 1996, để đáp ứng yêu cầu của xã hội, Trung tâm đào tạo thẩm phán và các chức danh tư pháp khác được thành lập. Quyết định này có thể coi là bước chuyển đầu tiên đặt nền móng cho mô hình đào tạo nghề sau đại học trong lĩnh vực pháp luật ở Việt Nam. Sau hai năm hoạt động, nhận thấy mô hình đào tạo của Trung tâm là một mô hình tốt và cần được nhân rộng, ngày 11 tháng 2 năm 1998, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 34/1998/QĐ-TTg thành lập Trường Đào tạo các chức danh tư pháp trực thuộc Bộ Tư pháp với nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng thẩm phán và các chức danh tư pháp khác theo hình thức tập trung và tại chức. Một mô hình đào tạo mới – đào tạo nghề sau đại học - lần đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam. Hệ thống đào tạo pháp luật từ đây đã tách ra thành hai nhánh song song phát triển: Đào tạo pháp luật cơ bản và Đào tạo chức danh tư pháp.

2. Thành lập Trường Đào tạo các chức danh Tư pháp - bước chuyển biến mới trong việc trang bị kỹ năng hành nghề cho các chức danh tư pháp

Sự ra đời của Trường Đào tạo các chức danh tư pháp đã tạo ra những thay đổi tích cực trong công tác đào tạo cán bộ phục vụ ngành tư pháp. Từ chỗ làm việc theo kinh nghiệm, lần đầu tiên các cán bộ tư pháp được đào tạo một cách cơ bản về kỹ năng hành nghề, các kiến thức chuyên môn nghiệp vụ

trước khi được bổ nhiệm. Từ chỗ quy định tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ khi bổ nhiệm chỉ chung chung là “có hiểu biết về pháp luật”, các văn bản pháp quy đã bắt đầu thừa nhận chúng chỉ đào tạo nghề là một điều kiện bắt buộc khi bổ nhiệm. Nghị định 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 là văn bản pháp quy đầu tiên quy định tiêu chuẩn này, tiếp theo đó là Pháp lệnh Luật sư 2001, Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm 2002 và Pháp lệnh Thi hành án 2004.

Ngay sau khi thành lập (11 tháng 2 năm 1998) Trường Đào tạo các chức danh Tư pháp đã khai giảng khoá đào tạo thẩm phán đầu tiên. Tiếp theo đó là các khoá đào tạo công chứng viên, thư ký toà án, chấp hành viên, luật sư và kiểm sát viên. Để phục vụ công tác đào tạo các chức danh tư pháp, trường đã biên soạn và xuất bản các cuốn giáo trình, tập bài giảng cho các khoá đào tạo Thẩm phán, Luật sư, Kiểm sát viên, Chấp hành viên, Công chứng viên, Thư ký toà án. Trường Đào tạo các chức danh Tư pháp cũng đã biên tập hàng ngàn bộ hồ sơ tình huống phục vụ cho công tác đào tạo. Trong 5 năm tồn tại và phát triển, Trường Đào tạo các chức danh Tư pháp đã bước đầu xây dựng được một cơ cấu chương trình hợp lý, một phương pháp giảng dạy tiên tiến, một đội ngũ giáo viên vừa cơ hữu vừa kiêm nhiệm để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ mới.

Từ việc triển khai thực hiện các quy định của Nhà nước là các chức danh tư pháp phải được đào tạo trước khi bổ nhiệm, Trường Đào tạo các chức danh Tư pháp đã trở thành một mô hình đào tạo nghề nghiệp sau đại học cho các chức danh tư pháp. Mô hình này tuy mới nhưng đã khẳng định được chỗ đứng của mình trong thực tế.

3. Thành lập Học viện Tư pháp - sự thay đổi về chất trong công tác đào tạo các chức danh tư pháp

Tuy vậy, tới thời điểm năm 2002, việc đào tạo các chức danh tư pháp của Việt Nam vẫn còn rất phân tán ở nhiều cơ sở đào tạo như: Trường Đào tạo các chức danh tư pháp trực thuộc Bộ Tư pháp, Trường Cao đẳng kiểm sát trực thuộc Viện Kiểm sát nhân dân

tối cao, Trường Bồi dưỡng cán bộ toà án trực thuộc Toà án nhân dân tối cao. Các cơ sở lại có những mô hình đào tạo khác nhau với đối tượng tuyển sinh, chương trình và giáo trình khác nhau. Thực trạng này tạo ra nhiều khó khăn cho công tác quản lý và định hướng phát triển hệ thống đào tạo các chức danh tư pháp. Tháng 1 năm 2002, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 08/NQ-TW về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, trong đó nêu rõ những yếu kém của đội ngũ cán bộ tư pháp và hệ thống đào tạo các chức danh tư pháp, đồng thời xác định phương hướng phát triển công tác đào tạo các chức danh tư pháp là thành lập cơ quan thống nhất đầu mối đào tạo nghề cho cán bộ có chức danh tư pháp. Trên cơ sở chủ trương này của lãnh đạo Đảng, Chính phủ đã giao nhiệm vụ cho Bộ Tư pháp xây dựng Đề án thành lập Học viện Tư pháp nhằm thống nhất đầu mối đào tạo các chức danh tư pháp. Ngày 23 tháng 2 năm 2004, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 23/2004/QĐ-TTg thành lập Học viện Tư pháp (HVTP) trên cơ sở Trường Đào tạo các chức danh tư pháp, và giao cho Học viện nhiệm vụ đào tạo nghiệp vụ thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, chấp hành viên, công chứng viên và các chức danh tư pháp khác; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho Chấp hành viên, Công chứng viên, Luật sư và cán bộ có chức danh tư pháp thuộc quyền quản lý của Bộ Tư pháp; nghiên cứu khoa học phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có chức danh tư pháp và hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong việc đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, tùy theo yêu cầu và đòi hỏi thực tế, HVTP có thể được cơ quan có thẩm quyền giao thêm nhiệm vụ mới. Từ ngày thành lập đến nay, HVTP đã từng bước xây dựng phương châm hành động là: *Tạo nên sự khác biệt bởi nguyên lý và công nghệ đào tạo của riêng mình.*

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, Học viện Tư pháp đã có những đóng góp ở các lĩnh vực chủ yếu sau đây:

- Xây dựng được một *Chương trình đào tạo cho các chức danh tư pháp* với một cơ cấu

hợp lý, thể hiện quan điểm đào tạo hiện đại, phù hợp với thực tiễn Việt Nam trên cơ sở học tập những kinh nghiệm của nước ngoài;

- Hình thành và phát triển *Nguyên lý và công nghệ đào tạo mới* nhằm giải phóng sự trì trệ và tăng cường tính năng động sáng tạo của người dạy và người học;

- Áp dụng *Phương pháp đào tạo mới* lấy người học làm trung tâm và lấy hồ sơ thực tế làm nền tảng cho việc dạy và học; giảng dạy kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý thuyết và thực tiễn trên cơ sở hai, ba hoặc nhiều giảng viên cùng đứng lớp một lúc về cùng một vấn đề;

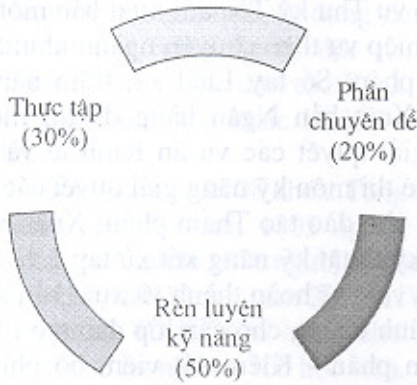
- Xây dựng *Một đội ngũ giảng viên*, từ đội ngũ giáo viên cơ hữu của học viện cho đến đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm, mà phần lớn là những nhà hoạt động thực tiễn, khoảng 350 người để tham gia vào quá trình đào tạo các chức danh tư pháp;

- Biên soạn *Một hệ thống giáo trình, sổ tay nghiệp vụ, hồ sơ thực tế, bài tập tình huống và các bộ phiếu kỹ thuật phục vụ giảng dạy và học tập*;

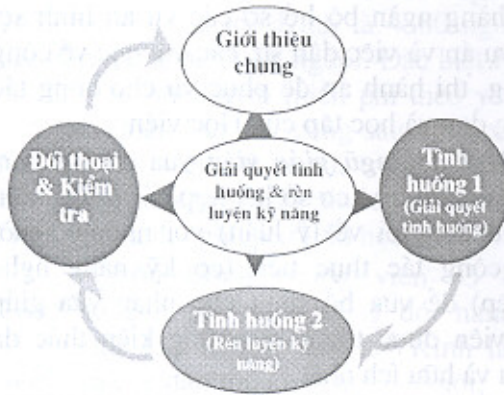
- Biên soạn *Một hệ thống ngân hàng đề thi* nhằm đánh giá chất lượng học viên theo tiêu chí thực tiễn bằng phương pháp dùng thực tiễn để kiểm nghiệm lý thuyết và nhằm tạo khả năng tư duy sáng tạo của học viên khi làm bài trên cơ sở đánh giá trình độ từ thấp đến cao.

Các chương trình đào tạo tại Học viện tư pháp về cơ bản được kết cấu bởi ba phần (xem hình 1): Phần lý luận nhằm bổ sung, cập nhật những kiến thức mới liên quan đến nghề nghiệp của chức danh được đào tạo. Phần rèn luyện kỹ năng nhằm trang bị những kỹ năng hành nghề theo từng chức danh. Trong phần này lại được cơ cấu theo các module. Mỗi module gồm ba phần (xem hình 2): Phần giới thiệu, Phần giải quyết tình huống (bao gồm hai kết cấu là giải bài tập (exercise) và phần rèn luyện kỹ năng (skill development) và cuối cùng là đối thoại (discussion). Phần thực tập là phần kiểm tra lại những gì đã học qua thực tiễn. Trong phần này học viên được thực tập tại các cơ sở hành nghề luật.

Hình 1:



Hình 2:



Triết lý hay nguyên lý đào tạo của Học viện Tư pháp được xây dựng theo các tiêu chí sau:

- Không giảng dạy lý thuyết thuần túy mà chỉ cập nhật kiến thức mới;
- Sử dụng hồ sơ thực tế để rèn luyện kỹ năng và nhắc lại lý thuyết;
- Học bài thông qua diễn án – “simulation”;
- Học bài thông qua làm – “learning by doing” tại Trung tâm thực hành nghề luật;
- Học bài thông qua quá trình làm bài thi;
- Rèn luyện kỹ năng nói thông qua thi hùng biện;
- Rèn luyện kỹ năng viết qua viết tiểu luận, soạn thảo văn bản tố tụng.

Công nghệ đào tạo: kết hợp nhuần nhuyễn giữa nghe, nhìn, nói, viết và làm:

Nghe: nghe giảng bài, nghe tranh luận, thảo luận....;

Nhìn: xem các đoạn film ngắn, các đoạn video minh họa, các bộ film về phiên tòa, điều tra, bào chữa...

Nói: đối thoại trực tiếp với giáo viên, với đồng nghiệp trên lớp. Tham gia thi hùng biện, diễn án, hội thảo;

Viết: làm các bài thi, viết tiểu luận, viết bài bào chữa, bản án và các văn bản tố tụng...;

Làm: đóng vai các chức danh tư pháp trong các phiên tòa giả định, tư vấn trực tiếp cho khách hàng tại Trung tâm thực hành nghề luật;

Sử dụng công nghệ thông tin và công nghệ kỹ thuật trong giảng dạy.

Phương pháp đào tạo mới lấy người học làm trung tâm và lấy hồ sơ thực tế làm nền tảng cho việc dạy và học; giảng dạy kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý thuyết và thực tiễn trên cơ sở hai, ba hoặc nhiều giảng viên cùng đứng lớp một lúc về cùng một vấn đề. Đây không phải là phương pháp mới trên thế giới nhưng được áp dụng tại Học viện Tư pháp với nhiều kết hợp có tính toán và thực tế đã mang lại hiệu quả thiết thực. Trước hết, các hồ sơ thực tế được lấy từ các cơ quan tố tụng là cơ sở của việc dạy và học. Các hồ sơ này được biên tập cho phù hợp với yêu cầu của bài học và được phát trước cho các học viên và giáo viên. Học viên sẽ chuẩn bị hồ sơ trước khi đến lớp theo yêu cầu đã đặt ra: đọc hồ sơ, tóm tắt, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thành phần chủ thể, hướng giải quyết tối ưu, văn bản pháp luật áp dụng và những vấn đề vướng mắc cần giải quyết có thể xảy ra... Khi giải các hồ sơ này bao giờ cũng đi theo hai bước: bước một là giải bài tập và bước hai là rèn luyện kỹ năng. Giải bài tập được xem là bước tập dượt. Rèn luyện kỹ năng là giải quyết vụ án bằng cách học viên tự mình thao tác các hành vi tố tụng có hướng dẫn và đánh giá của giảng viên. Ngoài ra các học viên có thể tiến hành *thực tập tại chỗ* thông qua *diễn án*. Diễn án cũng là một phương pháp *học nghề* rất hiệu quả. Diễn án bao gồm nhiều kiểu khác nhau. Diễn theo *nhóm*, diễn theo *lớp* và *diễn thành phiên tòa như thật*. Các buổi diễn án phải được chuẩn bị chu đáo. Học viên được phát *hồ sơ* sau đó *nghiên cứu hồ sơ*

để tóm tắt vụ án, xây dựng cho mình một đề cương cho vai diễn của mình... Học viên còn phải viết *Bản án* và *Bản thu hoạch* hoặc *Bản góp ý* cho các vai diễn khác... Việc giảng dạy theo nhóm giảng viên cũng là một phương pháp được áp dụng thường xuyên tại Học viện Tư pháp. Phương pháp này trước hết được áp dụng cho tất cả các module rèn luyện kỹ năng với hai giảng viên, một lý thuyết (thường là giảng viên của các cơ sở đào tạo hoặc Viện nghiên cứu) và một giảng viên thực hành (thường là người đang hành nghề) với mục đích là bổ sung cho nhau để tạo cho học viên một bức tranh đầy đủ nhất về vấn đề quan tâm. Sau đó mô hình này (hai người) được phát triển thành giảng ba người, bốn người hoặc theo nhóm và tọa đàm theo các chuyên đề. Việc giảng dạy theo nhóm giáo viên là một phương pháp rất tốt giúp giữa người học, người dạy có sự đối thoại trực tiếp, ngoài ra giữa các giảng viên với nhau cũng học tập nhau rất nhiều, từ đó, càng ngày họ càng truyền đạt các kiến thức một cách tốt hơn.

○ *Một hệ thống giáo trình, sổ tay nghiệp vụ, hồ sơ thực tế, bài tập tình huống và các bộ phiếu kỹ thuật* phục vụ giảng dạy và học tập và một hệ thống *ngân hàng đề thi* theo phương pháp mới là kết quả của một quá trình lao động sáng tạo trên cơ sở tiếp thu các kinh nghiệm của nước ngoài như Pháp, Canada, Nhật bản, Hoa Kỳ...; kết hợp với thực tiễn đào tạo các chức danh tư pháp ở Việt Nam nhằm đánh giá chất lượng học viên theo tiêu chí thực tiễn bằng phương pháp dùng thực tiễn để kiểm nghiệm lý thuyết, tạo khả năng tư duy sáng tạo của học viên khi làm bài trên cơ sở đánh giá trình độ từ thấp đến cao. Đây cũng là một đóng góp rất quan trọng cho sự nghiệp đào tạo các chức danh tư pháp. Để thực hiện tốt yêu cầu về chất lượng đào tạo ngay từ đầu, Học viện đã tập trung sức lực, huy động trí tuệ của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học trong nước, các nhà làm công tác thực tiễn để xây dựng các bộ giáo trình, sách chuyên khảo, hồ sơ, tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập như: xuất bản 5 bộ giáo trình nghiệp vụ Thẩm phán, 4 tập Giáo trình đào tạo Luật sư, Giáo trình đào tạo

Công chứng viên, Giáo trình đào tạo nghiệp vụ Chấp hành viên, một tập bài giảng đào tạo nghiệp vụ Thư ký Tòa án; xuất bản một số sổ tay nghiệp vụ theo chuyên ngành như: Sổ tay Thẩm phán, Sổ tay Luật sư, Cẩm nang hội thẩm. Xuất bản Ngân hàng đề thi môn kỹ năng giải quyết các vụ án Kinh tế và Ngân hàng đề thi môn kỹ năng giải quyết các vụ án dân sự cho đào tạo Thẩm phán; Xuất bản Bộ phiếu kỹ thuật kỹ năng xét xử tập 1 và 2. Sắp tới học viện sẽ hoàn thành và xuất bản 4 cuốn giáo trình chung cho các lớp đào tạo Luật sư - Thẩm phán - Kiểm sát viên, bộ phiếu kỹ thuật phục vụ đào tạo Chấp hành viên, Công chứng viên, và chỉnh lý biên soạn cuốn Cẩm nang Thẩm phán. Học viện đã sưu tầm, tập hợp hàng ngàn bộ hồ sơ các vụ án hình sự, các vụ án và việc dân sự, các vụ việc về công chứng, thi hành án để phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của Học viện

Một đội ngũ giáo viên vừa cơ hữu vừa kiêm nhiệm trên cơ sở kết hợp các giảng viên lý thuyết (giỏi về lý luận) với những người làm công tác thực tiễn (có kỹ năng nghề nghiệp) để vừa bổ sung cho nhau vừa giúp học viên được trang bị những kiến thức đa chiều và hữu ích nhất.

Ngoài ra, về cơ sở vật chất, các phòng học được trang bị tương đối hiện đại để có thể sử dụng nhiều ứng dụng của công nghệ tin học vào giảng dạy. Thư viện với gần 3000 đầu sách với hơn 20.000 cuốn phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của giảng viên và học viên. Học viện đã xây dựng trang thông tin điện tử làm nơi chuyển tải thông tin về hoạt động của ngành, của Bộ Tư pháp, của Học viện Tư pháp và nơi giao lưu giữa giáo viên với nhau, giáo viên với học viên và giữa các học viên với nhau. Mạng LAN của Học viện Tư pháp phục vụ cán bộ, giảng viên, học viên 24/24 nhằm nâng cao chất lượng công tác và chất lượng cuộc sống.

○ *Số lượng học viên tốt nghiệp* đã góp phần tạo nguồn các chức danh tư pháp cho Tòa án, các Đoàn Luật sư, Viện Kiểm sát, Phòng Công chứng và Phòng Thi hành án trong cả nước. Kết quả đào tạo và bồi dưỡng từ năm 1998 đến năm 2005 cụ thể như sau:

- *Công tác đào tạo:*

Tổng số học viên đã và đang đào tạo là hơn 8.000 học viên trong đó: nam 5100 người, nữ 2900 người; dân tộc Kinh là 7700 người và các dân tộc khác là 300 người cụ thể như sau:

- Nguồn Thẩm phán 08 khóa: Tổng số 2.018 học viên trong đó: nam 1305 người, nữ 713 người; dân tộc Kinh là 1876 người và các dân tộc khác là 142 người; Trong năm 2005, HVTP tiếp tục mở lớp tại TP Hồ Chí Minh cho các tỉnh Nam Bộ với số lượng hơn 100 học viên.

- Nguồn Luật sư gồm 03 khóa Luật sư tập sự và 04 khóa nguồn Luật sư: Tổng số 4436 học viên trong đó: Nam 2814 người, nữ 1622 người; dân tộc Kinh là 4380 người và các dân tộc khác là 56 người. Đặc biệt HVTP đã đào tạo hoàn toàn miễn phí theo yêu cầu của các Đoàn Luật sư vùng sâu vùng xa cho hơn 50 học viên. Hiện tại, trong năm 2005, HVTP đang tiếp tục mở các lớp tại Vũng Tàu cho các doanh nghiệp với 56 học viên.

- Nguồn Công chứng viên 05 khóa: Tổng số 245 học viên trong đó: nam 133 người, nữ 112 người; dân tộc Kinh là 230 người và các dân tộc khác là 15 người;

- Nguồn Chấp hành viên 04 khóa: Tổng số 789 học viên. Trong đó, nam chiếm 482 người, nữ chiếm 307 người. Dân tộc thiểu số: 53 người.

- Nguồn Kiểm sát viên 02 khóa: Tổng số 260 học viên trong đó: Nam 194 người, nữ 66 người; dân tộc Kinh là 252 người và các dân tộc khác là 8 người;

- Thư ký tòa án 02 khóa: Tổng số 99 học viên trong đó: Nam 55 người, nữ 44 người; dân tộc Kinh là 89 người và các dân tộc khác là 10 người;

- *Công tác bồi dưỡng:*

Đã bồi dưỡng cho 7.309 lượt cán bộ có chức danh tư pháp, những người làm công tác hỗ trợ tư pháp và tham gia hoạt động hỗ trợ tư pháp.

Học viện Tư pháp đặc biệt chú trọng công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế về đào tạo.

Công tác nghiên cứu khoa học cũng là một trong những công tác trọng tâm của Học viện. Đến năm 2005, Học viện đã tham gia nghiên cứu các nhánh đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, nghiệm thu nhiều đề tài cấp Học viện, thực hiện và bảo vệ thành công tiểu đề tài nhóm 3 trong khuôn khổ đề án Đánh giá nhu cầu phát triển hệ thống Pháp luật Việt Nam đến năm 2010. Năm 2005 Học viện triển khai thực hiện 03 đề tài nghiên cứu khoa học cấp học viện gồm: Những tác động của Luật Đất đai năm 2003 tới hoạt động nghề nghiệp của một số chức danh Tư pháp; Công tác đào tạo các chức danh Tư pháp phục vụ công cuộc cải cách Tư pháp; Các biện pháp cưỡng chế THA - một số vấn đề lý luận và thực tiễn. Xuất bản thường xuyên tạp chí Nghề Luật nhằm mục đích mở rộng kênh thông tin và là diễn đàn trao đổi nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, HVTP còn tham gia và tổ chức góp ý cho nhiều dự án luật, pháp lệnh...

Học viện Tư pháp cũng có nhiều chương trình hợp tác Quốc tế với các nước như: Pháp, Nhật Bản, CHLB Đức, Thụy Điển, Canada, CHDCND Lào, EU... và một số tổ chức Quốc tế khác nhằm trao đổi, học tập kinh nghiệm cũng như tranh thủ sự giúp đỡ, phục vụ cho sự phát triển của Học viện. Đồng thời Học viện cũng tham gia đào tạo, tư vấn giúp đỡ Trung tâm Đào tạo Thẩm phán của CHDCND Lào về chương trình và nội dung đào tạo Thẩm phán và Luật sư.

4. Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo cán bộ tư pháp

4.1. Thực trạng công tác đào tạo nguồn nhân lực hoạt động tư pháp thời gian qua

Khi đánh giá chung về giáo dục đại học ở nước ta, GS Hà Minh Đức một nhà nghiên cứu lớn về giáo dục hiện nay đã nhận xét: “Đầu vào tương đối tốt nhưng đầu ra thì dang dở, sinh viên ra trường hành trang còn thiếu thốn, chưa phải là sản phẩm hoàn thiện nên thường phải đào tạo thêm mới có thể làm việc

được”¹. Nhận xét này rất đúng với công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ hoạt động tư pháp thời gian qua ở nước ta, cụ thể như sau:

Mục tiêu đào tạo đại học luật hiện nay chỉ dừng lại ở chỗ cung cấp các kiến thức mặt bằng về pháp luật cho sinh viên tốt nghiệp. Vì vậy, cử nhân luật hiện nay được đào tạo đa ngành nghề về luật, biết nhiều nhưng không chuyên sâu về một lĩnh vực hay nghề nghiệp cụ thể nào, khi ra trường gặp rất nhiều khó khăn nếu được giao thực hiện một công việc cụ thể. Đặc biệt muốn trở thành một chức danh tư pháp hay hỗ trợ tư pháp cần phải đào tạo thêm mới làm được. Do ở chương trình cử nhân luật chưa có định hướng nghề nghiệp tư pháp nên khi vào học tại Học viện tư pháp đa số các học viên đều bị thiếu hụt các kiến thức chuyên ngành, trong lúc đó thời gian ở Học viện Tư pháp lại chủ yếu tập trung rèn luyện kỹ năng hành nghề nên việc giảng dạy và học tập gặp rất nhiều khó khăn mà chất lượng không cao.

Trong một số trường hợp khác tuy mục tiêu đề ra là đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp của hoạt động tư pháp, có địa chỉ sử dụng nhưng kết quả đạt được không phù hợp với các điều kiện bổ nhiệm. Ví dụ, học viên tốt nghiệp Cao đẳng kiểm sát hiện nay được đào tạo chuyên ngành nghề về công tác kiểm sát nhưng chỉ ở trình độ cao đẳng không đủ tiêu chuẩn để bổ nhiệm Kiểm sát viên. Đối với các học viên tốt nghiệp các Học viện Cảnh sát và An ninh tuy được đào tạo kỹ về nghiệp vụ ngành công an nhưng trình độ về luật để đáp ứng yêu cầu của hoạt động điều tra trong hoạt động tư pháp thì còn thiếu.

Trong thời gian qua tuy Học viện Tư pháp đã góp phần đào tạo nguồn cho các chức danh tư pháp phục vụ công cuộc cải cách tư pháp, nhưng vẫn chưa bao trùm hết các lĩnh vực của hoạt động tư pháp. Chưa có đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp của hoạt động tư

pháp mà ngoài chuyên môn sâu theo lĩnh vực còn thành thạo ngoại ngữ và giỏi về công nghệ thông tin đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế. Chưa có đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp của hoạt động tư pháp theo các lĩnh vực chuyên sâu do đó chúng ta có nhiều chuyên gia đa ngành nhưng lại thiếu chuyên gia chuyên ngành giỏi như thương mại quốc tế, sở hữu trí tuệ... Chưa có đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp của hoạt động hỗ trợ tư pháp ở xã, phường với quan điểm là nâng cao vị trí vai trò của tư pháp xã, phường trong việc hòa giải, giải quyết các tranh chấp phi hình sự ở cơ sở mà làm tốt công tác này sẽ khắc phục được rất nhiều tình trạng khiếu kiện kéo dài, khiếu kiện vượt cấp và khiếu kiện tập thể ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của các cơ quan Nhà nước như hiện nay. Chưa có chuẩn hóa có tính định hướng sớm và tính chiến lược lâu dài về đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp của hoạt động tư pháp từ bậc phổ thông hoặc từ bậc đại học (đào tạo liên thông) để dần dần thay thế cho việc phải đào tạo chấp nối như hiện nay vừa tốn thời gian vừa phải đào tạo lại nhiều lần, lãng phí thời gian và tiền bạc mà chất lượng không cao.

4.2. Xây dựng Học viện Tư pháp thành một trung tâm lớn đào tạo cán bộ tư pháp

Tháng 4 năm 2005 Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua Đề án về Chiến lược cải cách tư pháp và ngày 2 tháng 6 năm 2005 Bộ Chính trị đã thông qua Nghị quyết số 49 về Chiến lược cải cách tư pháp. Trên cơ sở đánh giá tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất nước, xu hướng hội nhập quốc tế và ưu khuyết điểm của công tác đào tạo cán bộ tư pháp thời gian qua, Đề án và Nghị quyết Chiến lược cải cách tư pháp đã đề ra những quan điểm và mục tiêu lớn về đào tạo cán bộ tư pháp trong giai đoạn 2005 – 2020 như sau: “Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp đặc biệt là đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp theo hướng tiêu chuẩn hóa đối với từng loại cán bộ về chính trị, phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội; vừa phải đào tạo chung về kiến thức cơ bản đồng thời đào tạo chuyên

¹ “Nghĩ về chuẩn mực và chất lượng của giáo dục đại học” trong “Kỷ yếu hội thảo đổi mới giáo dục đại học Việt Nam hội nhập và thách thức” của Bộ Giáo dục và Đào tạo

sâu về từng nghiệp vụ cụ thể; tăng cường bồi dưỡng ngăn ngừa trong quá trình công tác tiến tới thực hiện chế độ thi tuyển đối với một số chức danh”; “Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo cử nhân luật, các cán bộ nguồn của các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp; bồi dưỡng cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp theo hướng cập nhật kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, có kỹ năng nghề nghiệp cao và kiến thức thực tiễn” và “Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo cán bộ tư pháp; các cơ quan tư pháp, bổ trợ tư pháp phối hợp chặt chẽ với Học viện Tư pháp để chủ động xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo và bố trí sử dụng có hiệu quả những cán bộ đã được đào tạo”.

Triển khai việc thực hiện Nghị quyết về Chiến lược cải cách tư pháp của Bộ Chính trị, Chính phủ đã giao cho Bộ Tư pháp xây dựng Đề án: “Xây dựng Học viện tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo cán bộ tư pháp” trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong năm 2005.

Hiện nay, Học viện Tư pháp đã có kế hoạch để thực hiện tốt những nhiệm vụ đã được giao và sẵn sàng thực hiện tốt những nhiệm vụ mới mà Đảng và Nhà nước giao cho trong thời gian tới như: đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp của hoạt động tư pháp mà ngoài chuyên môn sâu theo lĩnh vực còn thành thạo ngoại ngữ và giỏi về công nghệ thông tin đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế; đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp của hoạt động bổ trợ tư pháp ở xã phường gồm đào tạo nghiệp vụ hoạt động bổ trợ tư pháp cho đội ngũ cán bộ đang làm việc và đào tạo nghiệp vụ hoạt động

bổ trợ tư pháp cho đội ngũ cán bộ kế cận, thay thế có trình độ Trung cấp luật hoặc Cử nhân luật để có thể từng bước thay thế đội ngũ cũ trong tương lai; đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp của hoạt động tư pháp từ bậc phổ thông hoặc từ bậc đại học theo hướng chính quy, hiện đại, chuẩn hóa và có chuyên môn sâu về một nghề nghiệp nhất định để góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước.

Từ Trường Đào tạo các chức danh Tư pháp đến Học viện Tư pháp, khoảng thời gian 8 năm chưa phải là dài, nhìn lại chặng đường phát triển và trưởng thành của mình, lãnh đạo, cán bộ, giảng viên cùng toàn thể học viên của Học viện Tư pháp có quyền tự hào với những thành quả đạt được bằng chính sự nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn thử thách, đổi mới không ngừng và quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao của mình.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước mà trực tiếp là của Đảng bộ Bộ Tư pháp và Bộ Tư pháp; sự phối hợp chặt chẽ của các ngành hữu quan; sự đoàn kết thống nhất và quyết tâm phấn đấu vươn lên không ngừng của tập thể cán bộ, công chức của Học viện, lãnh đạo Học viện Tư pháp tin tưởng rằng: cơ sở vật chất của Học viện sẽ sớm được xây dựng, nguồn nhân lực sẽ sớm được bổ sung, nguyên lý đào tạo, chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo của Học viện sẽ sớm được hoàn thiện để Học viện Tư pháp tiếp tục vươn xa, vươn cao thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị mới được giao, xứng đáng là một trung tâm lớn đào tạo cán bộ tư pháp của cả nước.

Đính chính:

Do có sự sai sót về kỹ thuật in ấn, trong số 12/2005, tên bài ở trang 17 và trang 21 đã bị nhầm lẫn. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật xin đính chính như sau:

- Tại trang 17, bài của tác giả Hoàng Thu Yến có tên là: “*Bàn về cách thức để người dân tiếp cận luật sư thuận lợi nhất*”.

- Tại trang 21, bài của các tác giả Nguyễn Thị Thương Huyền và Nguyễn Thị Thanh Hoài có tên là: “*Pháp luật thuế với quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp*”.

Xí nghiệp in Nhà xuất bản Lao động - Xã hội và Tạp chí Nhà nước và Pháp luật thành thật xin lỗi các tác giả và bạn đọc.